

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết thi điểm đấu thầu qua mạng

Căn cứ Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đấu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết thi điểm đấu thầu qua mạng như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thi điểm đấu thầu qua mạng được thực hiện đối với các gói thầu dịch vụ tư vấn, mua sắm hàng hoá và xây lắp có hình thức lựa chọn nhà thầu là đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế và chào hàng cạnh tranh trong nước.

2. Khi thực hiện đấu thầu qua mạng, các nội dung sau đây của quy trình lựa chọn nhà thầu được thực hiện qua mạng internet:

a) Đăng tải kế hoạch đấu thầu (sau đây viết tắt là KHĐT);

b) Thông báo mời nộp hồ sơ quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu, thông báo mời chào hàng;

c) Phát hành hồ sơ mời quan tâm (sau đây viết tắt là HSMQT), hồ sơ mời sơ tuyển (sau đây viết tắt là HSMST), hồ sơ mời thầu (sau đây viết tắt là HSMT), hồ sơ yêu cầu (sau đây viết tắt là HSYC);

d) Nộp hồ sơ quan tâm (sau đây viết tắt là HSQT), hồ sơ dự sơ tuyển (sau đây viết tắt là HSDST), hồ sơ dự thầu (sau đây viết tắt là HSDT), hồ sơ đề xuất (sau đây viết tắt là HSDX);

đ) Mở thầu, mở HSDX (biên bản mở thầu, biên bản mở HSDX);

e) Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu;

g) Đăng tải thông tin về nhà thầu vi phạm pháp luật đấu thầu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Việc thí điểm đấu thầu qua mạng được thực hiện tại ba (03) cơ quan là Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và Tập đoàn Điện lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là cơ quan thí điểm).

a) Chủ đầu tư, bên mời thầu trực thuộc các cơ quan thí điểm nêu tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung nêu tại điểm a, b, e, g khoản 2, Điều 1 của Thông tư này.

b) Mỗi cơ quan thí điểm lựa chọn tối thiểu năm (05) gói thầu mua sắm hàng hoá, ba (03) gói thầu dịch vụ tư vấn, ba (03) gói thầu xây lắp, có hình thức lựa chọn nhà thầu là chào hàng cạnh tranh, đấu thầu rộng rãi và đấu thầu hạn chế để áp dụng thí điểm đấu thầu qua mạng nêu tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này.

2. Các cơ quan, tổ chức không thuộc đối tượng nêu tại khoản 1 Điều này khuyến khích áp dụng đấu thầu qua mạng theo Thông tư này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đấu thầu qua mạng* hay còn gọi là đấu thầu điện tử, là quá trình sử dụng hệ thống mạng công nghệ thông tin (internet) và các thiết bị điện toán để thực hiện lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. *Hệ thống đấu thầu qua mạng* (sau đây gọi tắt là Hệ thống) bao gồm hệ thống máy chủ, các thiết bị điện toán (phần cứng) và các chương trình ứng dụng công nghệ thông tin được cài đặt trên máy chủ (phần mềm) đặt tại địa chỉ <http://muasamcong.mpi.gov.vn> để thực hiện đấu thầu qua mạng.

3. *Cơ quan vận hành Hệ thống* là Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. *Cơ quan cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số* dùng trong Hệ thống trong giai đoạn thí điểm là Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

5. *Văn bản điện tử* là văn bản dưới dạng điện tử được soạn thảo, gửi, nhận và lưu trữ trên Hệ thống, bao gồm: KHĐT, HSMQT, HSQT, HSMST, HSDST, HSMT, HSDT, HSYC, HSDX và các tài liệu điện tử trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu trong quá trình lựa chọn nhà thầu.

6. *Chứng thư số sử dụng trong đấu thầu qua mạng* (sau đây gọi tắt là chứng thư số) là chứng nhận dưới dạng điện tử do cơ quan cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cấp để thực hiện đấu thầu qua mạng trên Hệ thống. Chứng

thư số có hiệu lực là chứng thư số chưa hết hạn, không bị tạm dừng, huỷ hoặc thu hồi.

7. *Hệ mật mã không đối xứng* là hệ mật mã có khả năng tạo được cặp khóa bao gồm khóa bí mật và khóa công khai.

8. *Chữ ký số sử dụng trong đấu thầu qua mạng* (sau đây gọi tắt là chữ ký số) là một dạng chữ ký điện tử được tạo ra bằng sự biến đổi một thông điệp dữ liệu sử dụng hệ mật mã không đối xứng, theo đó người có thông điệp dữ liệu ban đầu và khóa công khai của người ký có thể xác định được chính xác việc biến đổi nêu trên được tạo ra bằng đúng khóa bí mật tương ứng với khóa công khai trong cùng một cặp khóa và sự toàn vẹn nội dung của thông điệp dữ liệu kể từ khi thực hiện việc biến đổi nêu trên. Trong Hệ thống, chữ ký số được sử dụng để xác nhận tên người ký văn bản điện tử và thiết lập tính pháp lý của văn bản điện tử.

9. *Khoá* là một chuỗi các số nhị phân dùng trong các hệ mật mã.

10. *Khoá bí mật* là một khóa trong cặp khóa thuộc hệ mật mã không đối xứng, được dùng để tạo chữ ký số.

11. *Khoá công khai* là một khóa trong cặp khóa thuộc hệ mật mã không đối xứng, được sử dụng để kiểm tra chữ ký số được tạo bởi khóa bí mật tương ứng trong cặp khóa.

12. *Huỷ chứng thư số* là làm mất hiệu lực của chứng thư số một cách vĩnh viễn từ một thời điểm xác định.

13. *Mật khẩu khóa bí mật của chứng thư số* là mật khẩu được sử dụng cùng với chứng thư số để đăng nhập vào Hệ thống.

14. *Máy chủ* là thiết bị điện toán được lắp đặt vào Hệ thống để gửi, nhận, lưu trữ văn bản điện tử và xử lý thông tin.

15. *Bên mời thầu* là cơ quan, tổ chức đã đăng ký trên Hệ thống và được chấp nhận với vai trò là bên mời thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu để tổ chức đấu thầu qua mạng.

16. *Nhà thầu* là tổ chức đã đăng ký trên Hệ thống và được chấp nhận với vai trò là nhà thầu để thực hiện hoạt động đấu thầu qua mạng.

17. *Người sử dụng Hệ thống* (sau đây gọi tắt là người sử dụng) bao gồm bên mời thầu, nhà thầu và Cơ quan vận hành Hệ thống.

18. *Mã cơ quan bên mời thầu* trong Hệ thống là mã số được Bộ Tài chính cấp theo Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC ngày 26/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Trường hợp bên mời thầu không được cấp mã số theo Quyết định trên thì mã cơ quan bên mời thầu do Hệ thống tự xác lập.

19. *Hướng dẫn sử dụng dành cho bên mời thầu* là các tài liệu bao gồm: Hướng dẫn đăng ký người sử dụng là bên mời thầu, Hướng dẫn sử dụng nghiệp vụ dành cho bên mời thầu được đăng tải tại mục Hướng dẫn sử dụng trên trang chủ của Hệ thống.

20. *Hướng dẫn sử dụng dành cho nhà thầu* là các tài liệu bao gồm: Hướng dẫn đăng ký người sử dụng là nhà thầu, Hướng dẫn sử dụng nghiệp vụ dành cho nhà thầu được đăng tải tại mục Hướng dẫn sử dụng trên trang chủ của Hệ thống.

Điều 4. Tính hợp lệ của văn bản điện tử

1. Các văn bản điện tử giao dịch qua Hệ thống có chữ ký số của người đại diện hợp pháp đều có giá trị pháp lý và có hiệu lực như văn bản bằng giấy.

2. Văn bản điện tử được gửi đến máy chủ chỉ được coi là đã gửi thành công khi máy chủ nhận được. Máy chủ sau khi nhận được sẽ có xác nhận là đã nhận thành công cho người gửi.

3. Thời gian gửi, nhận các văn bản điện tử qua Hệ thống được xác định căn cứ theo thời gian ghi lại trên máy chủ của Hệ thống.

Điều 5. Tư cách hợp lệ của bên mời thầu và nhà thầu

1. Khi tổ chức đấu thầu qua mạng bên mời thầu phải đăng ký tham gia vào Hệ thống để được cấp chứng thư số theo quy định tại Điều 16 Thông tư này.

2. Khi tham gia đấu thầu qua mạng nhà thầu phải đăng ký tham gia vào Hệ thống để được cấp chứng thư số theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.

Điều 6. Bảo đảm dự thầu

Nhà thầu tham gia đấu thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo quy định trong HSMT.

Trường hợp HSMT quy định bảo đảm dự thầu bằng hình thức chuyển khoản, bên mời thầu phải hướng dẫn nhà thầu chuyển khoản vào tài khoản của bên mời thầu theo số tài khoản đã được bên mời thầu nêu trong thông báo mời thầu trên Hệ thống.

Trường hợp bảo đảm dự thầu bằng thư bảo lãnh của ngân hàng, nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng và đính kèm khi nộp HSDT.

Điều 7. Thay đổi tư cách tham dự thầu

Nhà thầu cần thay đổi tên tham gia đấu thầu, tham gia chào hàng cạnh tranh so với khi nhận HSMT, HSYC thì phải thông báo bằng văn bản giấy cho bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu, thời điểm hết hạn nộp HSDX.

Trường hợp nhà thầu cần thay đổi tư cách từ độc lập sang liên danh, các nhà thầu tham gia liên danh phải thực hiện tạo bản thoả thuận liên danh qua mạng theo Hướng dẫn sử dụng dành cho nhà thầu tại mục Hướng dẫn sử dụng trên trang chủ của Hệ thống và gửi đến bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu, thời điểm hết hạn nộp HSDX.

Điều 8. Quy định về định dạng tệp tin (file) đính kèm

Để tạo thuận lợi cho người nhận, bên mời thầu, nhà thầu khi gửi tệp tin đính kèm lên Hệ thống phải sử dụng các định dạng tệp tin phổ biến như: MS Word, pdf, jpg; phông chữ: Unicode. Trường hợp cần sử dụng các định dạng tệp

tin chuyên dùng khác thì bên mời thầu, nhà thầu có trách nhiệm cung cấp phần mềm tương ứng để có thể mở và đọc được tệp tin đó.

Quy định chi tiết về định dạng tệp tin đính kèm đề nghị xem trong Hướng dẫn sử dụng dành cho bên mời thầu, Hướng dẫn sử dụng dành cho nhà thầu.

Điều 9. Lỗi liên quan đến tệp tin đính kèm

Văn bản điện tử do nhà thầu nộp theo dạng tệp tin đính kèm không mở và không đọc được thì bên mời thầu lập biên bản gửi cho nhà thầu và Cơ quan vận hành Hệ thống, tiếp đó mở HSQT, HSDST, HSDT, HSDX dự phòng của nhà thầu (nếu có) để lấy tệp tin tương ứng trong đĩa CD. Trường hợp tệp tin trong đĩa CD vẫn không đọc được thì bên mời thầu xử lý theo một trong các cách sau đây:

1. Trường hợp tệp tin có thiết lập mã số bí mật hoặc thiếu thông chữ hoặc thiếu phần mềm phù hợp để mở và đọc, bên mời thầu phải thông báo cho nhà thầu biết và đề nghị trong thời gian tối đa là 04 giờ, nhà thầu phải cung cấp mã số bí mật hoặc thông chữ hoặc phần mềm phù hợp để mở và đọc được tệp tin đó. Hết thời hạn trên, nếu nhà thầu không cung cấp thì bên mời thầu lập biên bản xác nhận tình trạng lỗi đối với văn bản điện tử của nhà thầu đó. Khi đó, nếu tệp tin bị lỗi là thành phần cơ bản của HSQT, HSDST, HSDT, HSDX thì nhà thầu sẽ bị loại; trường hợp tệp tin bị lỗi không phải là thành phần cơ bản của HSQT, HSDST, HSDT, HSDX, bên mời thầu yêu cầu nhà thầu bổ sung tệp tin tương ứng có thể mở và đọc được.

2. Trường hợp tệp tin không mở và không đọc được không thuộc các lý do nêu ở khoản 1 Điều này, nhưng cũng là thành phần cơ bản của HSQT, HSDST, HSDT, HSDX thì nhà thầu sẽ bị loại; trường hợp không phải là thành phần cơ bản của HSQT, HSDST, HSDT, HSDX, bên mời thầu yêu cầu nhà thầu bổ sung tệp tin tương ứng có thể mở và đọc được.

Điều 10. Quy định về bảo dưỡng, bảo trì Hệ thống

Trường hợp Cơ quan vận hành Hệ thống tạm ngừng cung cấp dịch vụ vì mục đích bảo dưỡng, bảo trì, kiểm tra, thay đổi các trang thiết bị trong Hệ thống thì sẽ có thông báo tối thiểu trước 15 ngày trên Hệ thống để các cơ quan, tổ chức liên quan được biết. Khi đó, Hệ thống sẽ tự động gia hạn thời điểm đóng thầu, thời điểm mở thầu theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

Điều 11. Gia hạn tự động thời điểm đóng thầu và mở thầu

Trường hợp Hệ thống tạm ngừng cung cấp dịch vụ vì mục đích bảo dưỡng, bảo trì hoặc gặp lỗi ngoài khả năng kiểm soát, Hệ thống sẽ tự động gia hạn thời điểm đóng thầu, thời điểm mở thầu như sau:

1. Thời gian tạm ngừng Hệ thống được tính từ khi Cơ quan vận hành Hệ thống tạm ngừng dịch vụ để bảo dưỡng, bảo trì hoặc từ thời điểm Hệ thống phát sinh lỗi đến khi Cơ quan vận hành Hệ thống thông báo đã hoàn tất việc bảo dưỡng, bảo trì hoặc lỗi được khắc phục xong. Sau khi hoàn thành việc bảo

dưỡng, bảo trì hoặc khắc phục xong lỗi, Cơ quan vận hành Hệ thống phải thông báo trên Hệ thống và tiếp tục cung cấp dịch vụ theo quy định.

2. Đối tượng được gia hạn: các gói thầu có thời điểm đóng thầu hoặc mở thầu nằm trong khoảng thời gian tạm ngừng Hệ thống.

3. Thời gian gia hạn:

a) Trường hợp tạm ngừng Hệ thống tại thời điểm đóng thầu, mở thầu thì thời điểm đóng thầu, mở thầu mới sẽ được lùi đến sau 03 giờ kể từ khi có thông báo Hệ thống tiếp tục cung cấp dịch vụ.

b) Nếu thời điểm đóng thầu mới vượt quá thời gian làm việc trong ngày thì thời gian đóng thầu sẽ được tự động gia hạn đến 09 giờ sáng của ngày làm việc tiếp theo.

c) Nếu thời điểm đóng thầu nằm sau và cách thời điểm thông báo Hệ thống tiếp tục cung cấp dịch vụ không quá 03 giờ thì thời điểm đóng thầu và mở thầu mới sẽ được kéo dài thêm 03 giờ.

d) Nếu thời điểm tạm ngừng Hệ thống sau thời điểm đóng thầu nhưng trước thời điểm mở thầu thì thời điểm mở thầu mới được kéo dài 03 giờ kể từ thời gian thông báo Hệ thống tiếp tục cung cấp dịch vụ.

4. Trường hợp không thể thực hiện mở thầu theo đúng thời gian được quy định khi gia hạn tự động thì bên mời thầu gia hạn trực tiếp theo Hướng dẫn sử dụng dành cho bên mời thầu trên Hệ thống và việc gia hạn này phải đăng tải trên Hệ thống, đồng thời gửi thư điện tử trực tiếp tới các nhà thầu tham gia.

5. Trường hợp thời gian tạm ngừng Hệ thống vượt quá 05 ngày làm việc, bên mời thầu căn cứ vào tình hình thực tế của gói thầu có thể quyết định chuyển sang thực hiện các bước còn lại của quy trình đấu thầu theo cách thông thường nhưng sau khi Hệ thống hoạt động trở lại bình thường, bên mời thầu phải nhập kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu đó vào Hệ thống.

6. Trường hợp Hệ thống tự động gia hạn thời điểm đóng thầu, các nhà thầu không cần gia hạn thời hạn hiệu lực của HSDT, HSĐX và bảo đảm dự thầu nếu các thời hạn hiệu lực này đã đáp ứng yêu cầu trong HSMT, HSYC đã phát hành.

Điều 12. Điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin của người sử dụng

Để sử dụng Hệ thống, hạ tầng công nghệ thông tin của người sử dụng phải đáp ứng mức yêu cầu tối thiểu như sau:

1. Đường truyền internet:

a) Có kết nối internet đến Hệ thống;

b) Mở các cổng (port): 8070, 8080, 8081, 8082, 4502, 4503, 9000.

2. Cấu hình máy tính:

a) Hệ điều hành: Windows XP, Windows Vista, Windows 7;

- b) Trình duyệt Internet Explorer: tối thiểu 6.0 trở lên;
- c) Độ phân giải màn hình: tối thiểu 1024 x 768.

Điều 13. Nội dung thông tin đăng tải trên Hệ thống

1. Các thông tin sau đây về đấu thầu phải được nhập và đăng tải trên Hệ thống:

- a) KHĐT;
- b) Thông báo mời nộp hồ sơ quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu, thông báo mời chào hàng;
- c) Danh sách ngắn;
- d) HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC;
- đ) Kết quả lựa chọn nhà thầu;
- e) Thông tin về nhà thầu vi phạm pháp luật đấu thầu.

2. Trong giai đoạn thí điểm, các thông tin đăng tải trên Hệ thống có giá trị pháp lý như đăng tải trên Báo Đấu thầu.

Điều 14. Tìm kiếm thông tin trên Hệ thống

1. Bên mời thầu, nhà thầu và các đối tượng quan tâm có thể tìm kiếm các thông tin sau đây trên Hệ thống:

- a) Thông tin về nhà thầu trong cơ sở dữ liệu nhà thầu (dành cho bên mời thầu);
- b) Các thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư này.

2. Quy trình tìm kiếm các thông tin tại khoản 1 Điều này đề nghị xem trong mục Hướng dẫn sử dụng trên trang chủ của Hệ thống (phần hướng dẫn tìm kiếm).

Chương II

ĐĂNG KÝ NGƯỜI SỬ DỤNG HỆ THỐNG

Điều 15. Đăng ký tham gia Hệ thống

1. Người sử dụng là bên mời thầu, nhà thầu muốn tham gia đấu thầu qua mạng phải đăng ký tham gia Hệ thống theo quy định nêu tại Điều 16, Điều 17 Thông tư này. Chi tiết các bước thực hiện đề nghị xem trong “Hướng dẫn đăng ký người sử dụng là bên mời thầu”, “Hướng dẫn đăng ký người sử dụng là nhà thầu” được đăng tải trên mục Hướng dẫn sử dụng trên trang chủ của Hệ thống.

2. Trường hợp đăng ký thành công, người sử dụng sẽ được cấp chứng thư số để đăng nhập Hệ thống và thực hiện các nghiệp vụ đấu thầu qua mạng trên Hệ thống. Việc đăng ký tham gia vào Hệ thống thành công khi đối tượng đăng ký sử dụng chứng thư số được cấp đăng nhập thành công vào Hệ thống.

Điều 16. Quy trình đăng ký người sử dụng là bên mời thầu

1. Đăng ký tham gia Hệ thống

Quy trình đăng ký tham gia Hệ thống với vai trò là bên mời thầu bao gồm các bước sau:

a) Khai báo thông tin trên Hệ thống và gửi hồ sơ đăng ký trực tiếp hoặc theo đường công văn đến Cơ quan vận hành Hệ thống.

b) Hồ sơ đăng ký bao gồm:

- Đơn đăng ký cấp chứng thư số theo mẫu (do Hệ thống tạo ra trong quá trình khai báo thông tin);

- Bản chụp chứng thực Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức đối với trường hợp đề nghị cấp chứng thư số lần đầu;

- Bản chụp chứng thực văn bản thông báo mã số cơ quan (nếu có) theo Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC ngày 20/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

- Bản chụp chứng minh nhân dân của người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức đăng ký.

2. Xử lý hồ sơ đăng ký

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký, Cơ quan vận hành Hệ thống kiểm tra tính chính xác của bản đăng ký điện tử trên Hệ thống và hồ sơ đăng ký bằng văn bản do bên mời thầu gửi đến. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Cơ quan vận hành Hệ thống chấp nhận bên mời thầu được tham gia Hệ thống và xác nhận trên Hệ thống; trường hợp hồ sơ không chính xác hoặc chưa đầy đủ, Cơ quan vận hành Hệ thống thông báo lý do trên Hệ thống để bên mời thầu biết bổ sung, sửa đổi hồ sơ, bản đăng ký trên cho phù hợp.

3. Kiểm tra kết quả xử lý

Bên mời thầu có trách nhiệm tự kiểm tra tình trạng kết quả xử lý trên Hệ thống. Trường hợp được chấp nhận tham gia Hệ thống, bên mời thầu nhận mã phê duyệt chứng thư số và số tham chiếu để tải chứng thư số từ Hệ thống.

4. Đăng ký thông tin người sử dụng chứng thư số

Bên mời thầu nhập mã phê duyệt chứng thư số và số tham chiếu vào Hệ thống để tải chứng thư số. Tiếp đó, bên mời thầu phải đăng ký thông tin người sử dụng chứng thư số vào Hệ thống.

5. Đăng nhập vào Hệ thống

Sau khi được cấp chứng thư số, bên mời thầu đăng nhập vào Hệ thống và thực hiện các quyền của người sử dụng là bên mời thầu.

Điều 17. Quy trình đăng ký người sử dụng là nhà thầu

1. Đăng ký tham gia Hệ thống

Quy trình đăng ký tham gia Hệ thống với vai trò là nhà thầu bao gồm các bước sau:

a) Khai báo thông tin trên Hệ thống và gửi hồ sơ đăng ký trực tiếp hoặc theo đường công văn đến Cơ quan vận hành Hệ thống.

b) Hồ sơ đăng ký bao gồm:

- Đơn đăng ký cấp chứng thư số theo mẫu (do Hệ thống tạo ra trong quá trình khai báo thông tin);

- Bản chụp chứng thực Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức đối với trường hợp đề nghị cấp chứng thư số lần đầu;

- Bản chụp chứng minh nhân dân người đại diện theo pháp luật của tổ chức đăng ký.

2. Xử lý hồ sơ đăng ký

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký, Cơ quan vận hành Hệ thống kiểm tra tính chính xác của thông tin khai báo trên Hệ thống với hồ sơ đăng ký. Trường hợp thông tin khai báo trên Hệ thống là chính xác, Cơ quan vận hành Hệ thống xác nhận trên Hệ thống; trường hợp thông tin khai báo trên Hệ thống không chính xác hoặc chưa đầy đủ, Cơ quan vận hành Hệ thống thông báo lý do trên Hệ thống để nhà thầu biết bổ sung, sửa đổi hồ sơ, bản đăng ký trên cho phù hợp.

3. Kiểm tra kết quả xử lý

Nhà thầu có trách nhiệm tự kiểm tra tình trạng kết quả xử lý trên Hệ thống. Trường hợp được chấp nhận tham gia Hệ thống, nhà thầu nhận mã phê duyệt chứng thư số và số tham chiếu để tải chứng thư số từ Hệ thống.

4. Đăng ký thông tin người sử dụng chứng thư số

Nhà thầu nhập mã phê duyệt chứng thư số và số tham chiếu vào Hệ thống để tải chứng thư số. Tiếp đó, nhà thầu phải đăng ký thông tin người sử dụng chứng thư số vào Hệ thống.

5. Đăng nhập vào Hệ thống

Sau khi được cấp chứng thư số, nhà thầu đăng nhập vào Hệ thống và thực hiện các quyền của người sử dụng là nhà thầu.

Chương III

CHỨNG THƯ SỐ

Điều 18. Quy định chung về chứng thư số

1. Chứng thư số sử dụng trong đấu thầu qua mạng bao gồm những nội dung sau:

a) Tên cơ quan cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số;

b) Tên của cơ quan, tổ chức sử dụng chứng thư số;

c) Số hiệu của chứng thư số;

d) Thời hạn có hiệu lực của chứng thư số;

đ) Khoá công khai của người sử dụng chứng thư số;

e) Chữ ký số của cơ quan cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số;

g) Các mục đích sử dụng của chứng thư số;

h) Các thông tin khác cho mục đích quản lý, sử dụng, an toàn, bảo mật do cơ quan cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quy định.

2. Thời hạn có hiệu lực của chứng thư số là 01 năm kể từ khi chứng thư số được cấp phát. Người sử dụng có thể kéo dài thời hạn hiệu lực của chứng thư số bằng cách gia hạn chứng thư số hoặc gia hạn khoá của chứng thư số theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Thông tư này.

Điều 19. Sử dụng chứng thư số trong đấu thầu qua mạng

1. Chứng thư số được cơ quan cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cấp phát để sử dụng trong Hệ thống có ba loại như sau:

a) Chứng thư số cá nhân được cấp cho cán bộ có thẩm quyền tham gia vận hành Hệ thống. Cơ quan vận hành Hệ thống có trách nhiệm quản lý các chứng thư số cá nhân này.

b) Chứng thư số tổ chức được cấp cho các tổ chức là bên mời thầu, nhà thầu để tham gia vào hoạt động đấu thầu qua mạng. Chứng thư số cho tổ chức được cấp phát cho bên mời thầu và nhà thầu khi họ tiến hành đăng ký tham gia Hệ thống theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Thông tư này.

c) Chứng thư số được sinh ra đối với mỗi gói thầu. Khi thực hiện đăng tải thông báo mời thầu, thông báo mời chào hàng, bên mời thầu sẽ được Hệ thống tự động cấp cho một chứng thư số và một cặp khóa tương ứng để thực hiện mã hoá và giải mã HSDT, HSDX trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu.

2. Cá nhân, tổ chức được cấp chứng thư số chỉ sử dụng chứng thư số vào các mục đích được quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 18 Thông tư này. Trong giai đoạn thí điểm, chứng thư số do Cục Quản lý Đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp phát chỉ được sử dụng trong Hệ thống.

Điều 20. Gia hạn chứng thư số

1. Người sử dụng có thể kéo dài thời gian sử dụng cho chứng thư số chưa bị huỷ bỏ bằng cách gia hạn chứng thư số. Khi gia hạn, thời hạn sử dụng mới của chứng thư số là thời gian được gia hạn thêm kể từ ngày gia hạn và cặp khoá của chứng thư số sẽ không thay đổi.

2. Trong giai đoạn thí điểm, người sử dụng có thể tự gia hạn chứng thư số của mình, thời gian mỗi lần gia hạn của các chứng thư số là 01 năm.

3. Việc gia hạn thực hiện trong khoảng thời gian 30 ngày trước ngày chứng thư số hết hiệu lực. Chi tiết các bước thực hiện đề nghị xem trong Hướng dẫn sử dụng được đăng tải trên trang chủ của Hệ thống.

Điều 21. Gia hạn khoá của chứng thư số

1. Người sử dụng có thể kéo dài thời gian sử dụng cho chứng thư số bằng cách gia hạn khoá của chứng thư số. Khi gia hạn, thời hạn sử dụng mới của chứng thư số là thời gian được gia hạn thêm kể từ ngày gia hạn và cặp khoá của chứng thư số được thay đổi.

2. Trong giai đoạn thí điểm, người sử dụng có thể tự gia hạn khoá chứng thư số của mình, thời gian gia hạn khoá của các chứng thư số là 01 năm.

3. Việc gia hạn khoá của chứng thư số thực hiện trong khoảng thời gian 30 ngày trước ngày chứng thư số hết hiệu lực. Chi tiết các bước thực hiện đề nghị xem trong Hướng dẫn sử dụng được đăng tải trên trang chủ của Hệ thống.

Điều 22. Huỷ chứng thư số

1. Huỷ chứng thư số được thực hiện trong những trường hợp sau:

a) Phát hiện hoặc nghi ngờ khóa bí mật tương ứng với chứng thư số bị mất, bị hỏng, bị đánh cắp hoặc bị sao chép trái phép;

b) Người được tổ chức giao sử dụng chứng thư số để tham gia Hệ thống không còn làm việc tại tổ chức hoặc đã chuyển công tác khác;

c) Không có nhu cầu sử dụng chứng thư số.

2. Trong giai đoạn thí điểm, người sử dụng có thể tự hủy chứng thư số của mình. Hiệu lực hủy chứng thư số sẽ được thực hiện ngay sau khi Hệ thống tự động cập nhật danh sách chứng thư số bị huỷ vào thời điểm 11 giờ và 23 giờ hàng ngày.

3. Chỉ có thể thực hiện hủy chứng thư số khi chứng thư số còn hiệu lực. Chi tiết các bước để hủy chứng thư số đề nghị xem trong Hướng dẫn sử dụng được đăng tải trên trang chủ của Hệ thống.

Điều 23. Thay đổi thiết bị lưu chứng thư số

1. Người sử dụng có trách nhiệm lưu giữ chứng thư số và khóa bí mật của mình. Mọi hành động mất cắp, hỏng hóc hoặc sao chép chứng thư số do lỗi của người sử dụng sẽ không thuộc phạm vi trách nhiệm của cơ quan vận hành Hệ thống.

2. Người sử dụng có thể sao chép chứng thư số, khóa bí mật và lưu trữ trên đĩa mềm, USB, thẻ thông minh hoặc các phương tiện thông tin lưu trữ khác. Chi tiết các bước thực hiện đề nghị xem trong Hướng dẫn sử dụng được đăng tải trên trang chủ của Hệ thống.

Điều 24. Thay đổi mật khẩu khoá bí mật của chứng thư số

Trường hợp phát hiện hoặc nghi ngờ mật khẩu khóa bí mật của chứng thư số bị lộ hoặc muốn thay đổi mật khẩu khóa bí mật của chứng thư số, người sử dụng có thể thay đổi mật khẩu khóa bí mật chứng nhận số. Chi tiết các bước thực hiện đề nghị xem trong Hướng dẫn sử dụng được đăng tải trên trang chủ của Hệ thống.

Điều 25. Đăng ký thêm chứng thư số

1. Căn cứ vào nhu cầu và cơ cấu tổ chức của đơn vị, người sử dụng có thể đăng ký thêm chứng thư số để thực hiện đấu thầu qua mạng.

2. Khi đăng ký thêm chứng thư số, người sử dụng phải đăng nhập vào Hệ thống với chứng thư số được cấp khi đăng ký tham gia Hệ thống. Chi tiết các

bước thực hiện đề nghị xem trong Hướng dẫn sử dụng được đăng tải trên trang chủ của Hệ thống.

Chương IV

QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ THẦU QUA MẠNG

Mục 1

ĐẤU THẦU RỘNG RÃI VÀ ĐẤU THẦU HẠN CHẾ QUA MẠNG

Điều 26. Lựa chọn danh sách ngắn

1. Lựa chọn danh sách ngắn đối với đấu thầu rộng rãi có sơ tuyển hoặc mời quan tâm (sau đây gọi chung là sơ tuyển) thực hiện theo quy định tại Điều 27 Thông tư này.

2. Lựa chọn danh sách ngắn đối với đấu thầu hạn chế, được thực hiện như sau:

a) Bên mời thầu lựa chọn nhà thầu trong cơ sở dữ liệu nhà thầu trên Hệ thống để đưa vào danh sách nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế. Trường hợp nhà thầu chưa có tên trong cơ sở dữ liệu thì bên mời thầu cần yêu cầu nhà thầu thực hiện đăng ký vào Hệ thống theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.

b) Chi tiết các bước thực hiện đề nghị xem trong Hướng dẫn sử dụng dành cho bên mời thầu được đăng tải trong mục Hướng dẫn sử dụng trên trang chủ của Hệ thống.

Điều 27. Sơ tuyển

Quy trình sơ tuyển qua mạng được thực hiện trên Hệ thống như sau:

1. Đăng tải thông báo mời sơ tuyển và HSMST.

a) Nội dung thông báo mời sơ tuyển do bên mời thầu tự điền theo mẫu thông báo mời sơ tuyển trên Hệ thống. HSMST được đính kèm và đăng tải đồng thời với thông báo mời sơ tuyển.

b) Trường hợp có sự sai khác giữa file HSMST đính kèm và nội dung điền trong mẫu thông báo mời sơ tuyển thì file HSMST đính kèm sẽ có giá trị pháp lý.

c) Thời gian chuẩn bị HSDST tối thiểu là 10 ngày kể từ ngày đầu tiên phát hành HSMST. Trường hợp cần thiết phải sửa đổi HSMST, bên mời thầu phải gửi thông báo sửa đổi HSMST đến tất cả các nhà thầu nhận HSMST trước thời điểm đóng sơ tuyển một số ngày nhất định được quy định trong HSMST. Tài liệu sửa đổi HSMST được đăng thêm trong thông báo mời sơ tuyển trên Hệ thống. Nhà thầu phải thông báo cho bên mời thầu khi nhận được các tài liệu sửa đổi HSMST. Bên mời thầu thông báo sửa đổi HSMST và nhà thầu thông báo đã nhận được tài liệu sửa đổi bằng một trong những cách sau: e-mail, fax, gửi văn bản trực tiếp, hoặc theo đường công văn theo quy định trong HSMST.

2. Tải HSMST: Nhà thầu tìm kiếm và tải HSMST từ Hệ thống. Danh sách các nhà thầu đã tải HSMST sẽ được hiển thị để bên mời thầu theo dõi, quản lý.

3. Nộp HSDST: Nhà thầu gửi HSDST đến bên mời thầu qua Hệ thống.

4. Mở HSDST: HSDST nộp trước thời điểm đóng sơ tuyển sẽ được bên mời thầu mở trên Hệ thống tại thời điểm mở sơ tuyển. HSDST nộp sau thời điểm đóng sơ tuyển không được Hệ thống chấp nhận và không được mở.

5. Đánh giá HSDST, trình và phê duyệt kết quả sơ tuyển: Việc đánh giá HSDST và trình phê duyệt kết quả sơ tuyển được thực hiện theo pháp luật về đấu thầu hiện hành.

6. Thông báo kết quả sơ tuyển: Bên mời thầu có trách nhiệm nhập kết quả sơ tuyển vào Hệ thống sau khi kết quả sơ tuyển được phê duyệt.

7. Thông tin về kiến nghị và xử lý kiến nghị về kết quả sơ tuyển:

Nhà thầu có thể gửi kiến nghị thông qua Hệ thống đến bên mời thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm nhập kết quả xử lý kiến nghị của nhà thầu, các nội dung thay đổi theo kết quả xử lý kiến nghị (nếu có) phải được đăng tải trên Hệ thống.

8. Chi tiết các bước thực hiện sơ tuyển đề nghị xem trong “Hướng dẫn sử dụng dành cho bên mời thầu”, “Hướng dẫn sử dụng dành cho nhà thầu” được đăng tải tại mục Hướng dẫn sử dụng trên trang chủ của Hệ thống.

Điều 28. Thông báo mời thầu và phát hành HSMT

1. Đăng tải thông báo mời thầu và HSMT

a) Nội dung thông báo mời thầu do bên mời thầu tự điền theo mẫu thông báo mời thầu trên Hệ thống. Đối với gói thầu mua sắm hàng hoá, bên mời thầu cần nhập danh mục hàng hoá cần mua bao gồm các thông tin như tên hàng hoá, tiêu chuẩn hàng hoá, số lượng và đơn vị, trường hợp đã có thông tin thì có thể nhập ngày giao hàng sau khi ký hợp đồng.

b) HSMT được đính kèm và đăng tải đồng thời với thông báo mời thầu. Trường hợp có sự sai khác giữa file HSMT đính kèm và nội dung điền trong mẫu thông báo mời thầu thì file HSMT đính kèm sẽ có giá trị pháp lý.

c) Thời gian chuẩn bị HSDT tối thiểu là 15 ngày (đối với gói thầu quy mô nhỏ), 25 ngày (đối với các gói thầu khác) kể từ ngày đầu tiên phát hành HSMT. Trường hợp cần thiết phải sửa đổi HSMT, bên mời thầu phải gửi thông báo sửa đổi HSMT đến tất cả các nhà thầu mua HSMT trước thời điểm đóng thầu một số ngày nhất định được quy định trong HSMT. Tài liệu sửa đổi HSMT được đăng thêm trong thông báo mời thầu trên Hệ thống. Trường hợp HSMT được bán trực tiếp, bên mời thầu phải gửi tài liệu sửa đổi HSMT kèm theo thông báo sửa đổi HSMT. Bên mời thầu thông báo sửa đổi HSMT và nhà thầu thông báo đã nhận được tài liệu sửa đổi bằng một trong những cách sau: e-mail, fax, gửi văn bản trực tiếp, hoặc theo đường công văn theo quy định trong HSMT.

d) Trong giai đoạn thí điểm, khuyến khích bên mời thầu phát hành miễn phí HSMT trên Hệ thống. Trường hợp bán HSMT qua mạng, bên mời thầu cần nhập thông tin về tài khoản nhận tiền mua HSMT mà nhà thầu phải nộp lên Hệ thống bao gồm số tài khoản và tên ngân hàng.

2. Sửa đổi và bổ sung HSMT

Sau khi phát hành HSMT, trường hợp cần thiết phải sửa đổi HSMT, bên mời thầu gửi văn bản điện tử sửa đổi đến các nhà thầu đã nhận HSMT qua địa chỉ email của nhà thầu đã cung cấp khi đăng ký tham gia vào Hệ thống. Trường hợp bán HSMT, bên mời thầu có thể tìm kiếm danh sách nhà thầu đã mua HSMT trên Hệ thống.

3. Làm rõ HSMT

Trường hợp nhà thầu muốn làm rõ HSMT thì gửi văn bản điện tử đề nghị đến bên mời thầu để xem xét và xử lý. Việc làm rõ HSMT được bên mời thầu thực hiện theo hình thức: gửi văn bản điện tử hoặc có thể tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong HSMT mà các nhà thầu chưa rõ. Nội dung trao đổi được bên mời thầu ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản điện tử làm rõ HSMT gửi qua mạng cho tất cả các nhà thầu đã mua HSMT hoặc các nhà thầu đã nhận HSMT theo địa chỉ email do nhà thầu cung cấp khi đăng ký tham gia Hệ thống.

4. Nhập danh sách nhà thầu mua HSMT

a) Trường hợp HSMT được phát hành miễn phí, bất kỳ nhà thầu nào cũng có thể tải HSMT trên Hệ thống.

b) Trường hợp bán HSMT, bên mời thầu có trách nhiệm nhập danh sách nhà thầu đã nộp tiền mua HSMT vào tài khoản của bên mời thầu. Chỉ những nhà thầu có tên trong danh sách này mới tải được HSMT trên Hệ thống.

Điều 29. Nộp HSDT

1. Nhà thầu sau khi đã nộp HSDT thành công trên Hệ thống sẽ nhận được thông báo xác nhận từ Hệ thống. Trường hợp liên danh với nhau để tham gia đấu thầu qua mạng, các nhà thầu tham gia liên danh cùng tạo bản thoả thuận liên danh theo Hướng dẫn sử dụng dành cho nhà thầu tại mục Hướng dẫn sử dụng trên trang chủ của Hệ thống và gửi đến bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu.

2. Trường hợp không thể gửi toàn bộ HSDT qua Hệ thống, nhà thầu có thể gửi một phần qua Hệ thống, phần còn lại in ra gửi theo đường công văn hoặc gửi trực tiếp đến bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu.

3. Nhà thầu có thể gửi HSDT dự phòng bằng đĩa CD và văn bản giấy (có niêm phong) qua đường công văn hoặc gửi trực tiếp đến bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu. HSDT dự phòng được sử dụng trong trường hợp bên mời thầu không mở và không đọc được tệp tin nhà thầu gửi qua Hệ thống như quy định tại Điều 9 Thông tư này.

Điều 30. Rút HSDT

Trường hợp xin rút HSDT, nhà thầu gửi văn bản đến bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu theo một trong những cách sau: e-mail, fax, gửi văn bản trực tiếp, hoặc theo đường công văn theo quy định trong HSMT.

Điều 31. Mở thầu

1. HSDT được nộp trước thời điểm đóng thầu sẽ được bên mời thầu giải mã và mở trên Hệ thống tại thời điểm mở thầu. HSDT nộp sau thời điểm đóng thầu không được Hệ thống chấp nhận và không được giải mã.

2. Bên mời thầu giải mã các HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Sau khi giải mã, các nội dung của HSDT sẽ được Hệ thống tự động ghi lại trong biên bản mở thầu, bao gồm:

- Tên nhà thầu;
- Giá dự thầu;
- Giá trị bảo đảm dự thầu (nếu có);
- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (nếu có);
- Thời gian có hiệu lực của HSDT.

3. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bất kỳ tổ chức, cá nhân nào quan tâm cũng có thể truy cập và xem được biên bản trên.

Điều 32. Đánh giá HSDT, thẩm định, phê duyệt, thông báo kết quả đấu thầu, thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng

1. Việc đánh giá HSDT, thẩm định và phê duyệt kết quả đấu thầu được thực hiện theo các quy định của Luật Đấu thầu, Luật sửa đổi số 38/2009/QH12 và Nghị định 85/2009/NĐ-CP.

2. Bên mời thầu nhập kết quả đánh giá HSDT lên Hệ thống.

3. Việc thông báo kết quả đấu thầu thực hiện theo quy định tại Điều 41 của Luật Đấu thầu, khoản 13 Điều 2 của Luật sửa đổi số 38/2009/QH12, khoản 3 Điều 20, khoản 1 Điều 31 của Nghị định 85/2009/NĐ-CP. Kết quả đấu thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống và được gửi cho các nhà thầu tham dự thầu bằng văn bản điện tử ngay sau khi có quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu.

4. Việc thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tuân thủ các quy định của Luật Đấu thầu, Luật sửa đổi số 38/2009/QH12 và Nghị định 85/2009/NĐ-CP.

Mục 2

CHÀO HÀNG CẠNH TRANH QUA MẠNG

Điều 33. Thông báo mời chào hàng và phát hành HSYC

1. Nội dung thông báo mời chào hàng do bên mời thầu tự điền theo mẫu thông báo mời chào hàng trên Hệ thống. Bên mời thầu cần nhập danh mục hàng hoá cần mua bao gồm các thông tin như tên hàng hoá, tiêu chuẩn hàng hoá, số lượng và đơn vị. Trường hợp đã có thông tin thì có thể nhập ngay giao hàng sau khi ký hợp đồng.

2. HSYC được đính kèm và đăng tải đồng thời với thông báo mời chào hàng. Trường hợp có sự sai khác giữa file HSYC đính kèm và nội dung điền trong mẫu thông báo mời chào hàng thì file HSYC đính kèm sẽ có giá trị pháp lý.

3. HSYC được phát hành miễn phí trên Hệ thống, bất kỳ nhà thầu nào cũng có thể tải HSYC trên Hệ thống.

4. Thời gian chuẩn bị HSDX tối thiểu là 05 ngày kể từ ngày đầu tiên phát hành HSYC.

Điều 34. Nộp HSDX

1. Nhà thầu sau khi đã nộp HSDX thành công trên Hệ thống sẽ nhận được thông báo xác nhận từ Hệ thống. Trường hợp liên danh với nhau để tham gia chào hàng cạnh tranh qua mạng, các nhà thầu tham gia liên danh cùng tạo bản thoả thuận liên danh theo Hướng dẫn sử dụng dành cho nhà thầu tại mục Hướng dẫn sử dụng trên trang chủ của Hệ thống và gửi đến bên mời thầu trước thời điểm hết hạn nộp HSDX.

2. Trường hợp không thể gửi toàn bộ HSDX qua Hệ thống, nhà thầu có thể gửi một phần qua Hệ thống, phần còn lại in ra gửi theo đường công văn hoặc gửi trực tiếp đến bên mời thầu trước thời điểm hết hạn nộp HSDX.

3. Nhà thầu có thể gửi HSDX dự phòng bằng đĩa CD và văn bản giấy (có niêm phong) qua đường công văn hoặc gửi trực tiếp đến bên mời thầu trước thời điểm hết hạn nộp HSDX. HSDX dự phòng được sử dụng trong trường hợp bên mời thầu không mở và đọc được tệp tin nhà thầu gửi qua Hệ thống như quy định tại Điều 9 Thông tư này.

Điều 35. Mở HSDX

1. HSDX được nộp trước thời điểm hết hạn nộp HSDX sẽ được bên mời thầu giải mã và mở trên Hệ thống tại thời điểm mở HSDX. HSDX nộp sau thời điểm hết hạn nộp HSDX không được Hệ thống chấp nhận và không được giải mã.

2. Bên mời thầu giải mã các HSDX nộp trước thời điểm hết hạn nộp HSDX. Sau khi giải mã, các nội dung của HSDX sẽ được Hệ thống tự động ghi lại trong biên bản mở HSDX, bao gồm:

- Tên nhà thầu;
- Giá chào;
- Thời gian có hiệu lực của HSDX.

3. Biên bản mở HSDX được đăng tải công khai trên Hệ thống, bất kỳ tổ chức, cá nhân nào quan tâm cũng có thể truy cập và xem được biên bản trên.

Điều 36. Đánh giá HSDX, thẩm định, phê duyệt, thông báo kết quả chào hàng, thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng

1. Việc đánh giá HSDX, thẩm định và phê duyệt kết quả chào hàng được thực hiện theo các quy định của Luật Đấu thầu, Luật sửa đổi số 38/2009/QH12 và Nghị định 85/2009/NĐ-CP.

2. Bên mời thầu nhập kết quả đánh giá HSDX lên Hệ thống.

3. Việc thông báo kết quả chào hàng thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 43 của Nghị định 85/2009/NĐ-CP. Kết quả chào hàng được đăng tải công khai trên Hệ thống và được gửi cho các nhà thầu tham gia chào hàng bằng văn bản điện tử ngay sau khi có quyết định phê duyệt kết quả chào hàng.

4. Việc thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tuân thủ các quy định của Luật Đấu thầu, Luật sửa đổi số 38/2009/QH12 và Nghị định 85/2009/NĐ-CP.

Chương V

**QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN
TRONG ĐẤU THẦU QUA MẠNG**

Điều 37. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Xây dựng và quản lý Hệ thống trong giai đoạn thí điểm làm cơ sở hình thành Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định của Luật Đấu thầu.

2. Xây dựng tài liệu hướng dẫn thí điểm đấu thầu qua mạng.

3. Tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ bên mời thầu, nhà thầu tham gia đấu thầu qua mạng; quản lý thông tin về nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu.

4. Tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả thí điểm đấu thầu qua mạng vào năm 2011 trước khi tổ chức triển khai đấu thầu qua mạng trong toàn quốc.

Điều 38. Trách nhiệm của các cơ quan thí điểm

Các cơ quan thí điểm theo quy định tại khoản 1, Điều 2 Thông tư này trên cơ sở phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm sau:

1. Lựa chọn tối thiểu 11 gói thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này để tổ chức thực hiện thí điểm đấu thầu qua mạng.

2. Cung cấp thông tin phục vụ thí điểm đấu thầu qua mạng theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn và hỗ trợ các đơn vị trực thuộc tham gia thí điểm đấu thầu qua mạng.

4. Xử lý các tình huống phát sinh trong giai đoạn thực hiện thí điểm.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Cơ quan vận hành Hệ thống

Cơ quan vận hành Hệ thống theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm liên quan đến thiết kế, xây dựng và vận hành Hệ thống.
2. Bảo mật thông tin theo quy định trong quá trình đấu thầu qua mạng.
3. Khắc phục những lỗi phát sinh khi vận hành Hệ thống.
4. Cung cấp các dịch vụ hướng dẫn bên mời thầu, nhà thầu tham gia đăng ký, đăng tải các hoạt động đấu thầu trên Hệ thống.
5. Tổ chức đào tạo và hỗ trợ bên mời thầu, nhà thầu thực hiện các giao dịch trên Hệ thống.
6. Lưu trữ các thông tin liên quan đến quá trình đấu thầu qua mạng phục vụ công tác tra cứu, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán.
7. Tổng hợp các thông tin cần thiết để vận hành Hệ thống. Bảo đảm an toàn cho các trang thiết bị của Hệ thống, xem xét mọi biện pháp quản lý cần thiết để Hệ thống luôn duy trì được trạng thái hoạt động tốt nhất.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Cơ quan cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số

Cơ quan cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số;
2. Sử dụng thiết bị kỹ thuật, các quy trình và nguồn lực tin cậy của Hệ thống để thực hiện các công việc của mình;
3. Bảo đảm tính chính xác và sự toàn vẹn của các nội dung cơ bản trong chứng thư số do mình cấp;
4. Cung cấp các phương tiện thích hợp cho phép các bên mời thầu, nhà thầu tham gia Hệ thống chấp nhận chữ ký số và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể dựa vào chứng thư số để xác định chính xác nguồn gốc của thông điệp dữ liệu và chữ ký số;
5. Thông báo cho các bên liên quan trong trường hợp xảy ra sự cố ảnh hưởng đến việc chứng thực chữ ký số;
6. Lưu trữ các thông tin có liên quan đến chứng thư số do mình cấp trong thời hạn ít nhất là 05 năm kể từ khi chứng thư số hết hiệu lực;
7. Quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật của hệ thống chứng thực chữ ký số, đảm bảo việc cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số được an toàn, liên tục.

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của bên mời thầu tham gia Hệ thống

1. Thông báo KHĐT, thông báo mời nộp hồ sơ quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu, thông báo mời chào hàng; phát hành HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC; tiếp nhận HSQT, HSDST, HSDT, HSDX; mở thầu, mở HSDX và công bố kết quả lựa chọn nhà thầu.

2. Tra cứu thông tin nhà thầu trong cơ sở dữ liệu nhà thầu trên Hệ thống.

3. Trang bị cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu cho đấu thầu qua mạng.

4. Quản lý và giữ khoá bí mật của chứng thư số được cấp. Trường hợp bên mời thầu bị mất chứng thư số hoặc phát hiện chứng thư số bị sử dụng trái phép thì ngay lập tức thông báo cho Cơ quan cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số để hủy bỏ và cấp mới chứng thư số; gia hạn thời hạn hiệu lực của chứng thư số trong khoảng thời gian 30 ngày trước ngày chứng thư số hết hiệu lực, đảm bảo chứng thư số còn hiệu lực trong suốt quá trình tổ chức đấu thầu.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của các thông tin đã đăng ký, đăng tải lên Hệ thống khi đăng nhập bằng chứng thư số của mình.

6. Kiểm tra và xác nhận việc đăng tải bình thường các thông tin của mình đã nhập lên Hệ thống.

7. Tuân thủ những quy định khác liên quan đến đấu thầu qua mạng và những quy định về việc sử dụng đã thông báo trên Hệ thống.

Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu tham gia Hệ thống

1. Tìm kiếm thông báo KHĐT, thông báo mời nộp HSQT, thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu, thông báo mời chào hàng, biên bản mở thầu, biên bản mở HSDX, kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống; tải HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC từ Hệ thống; nộp HSQT, HSDST, HSDT, HSDX qua Hệ thống; gửi kiến nghị trên Hệ thống.

2. Trang bị cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin khi tham gia đấu thầu qua mạng.

3. Quản lý và giữ bí mật khoá bí mật của chứng thư số. Trường hợp người sử dụng thuộc nhà thầu bị mất hoặc phát hiện có một bên thứ ba đang sử dụng thông tin chứng thư số của đơn vị mình thì phải điều chỉnh ngay lập tức như thay đổi khoá bí mật chứng thư số, hủy bỏ chứng thư số theo hướng dẫn của Cơ quan cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số; gia hạn thời hạn hiệu lực của chứng thư số trong khoảng thời gian 30 ngày trước ngày chứng thư số hết hiệu lực, đảm bảo chứng thư số còn hiệu lực trong suốt quá trình tham gia đấu thầu.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của các thông tin đã đăng ký, đăng tải trên Hệ thống khi đăng nhập bằng chứng thư số của mình.

5. Chịu trách nhiệm về kết quả khi tham gia đấu thầu qua mạng trong trường hợp gặp sự cố do hệ thống mạng ở phía nhà thầu, do virus tại phía nhà thầu làm cho file không mở và đọc được.

6. Tuân thủ những quy định khác liên quan đến đấu thầu qua mạng và những quy định về việc sử dụng đã thông báo trên Hệ thống.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ tình hình thực tế, Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu quyết định lộ trình triển khai thí điểm.

2. Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội, Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời xem xét, chỉnh lý.

Điều 44. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2010.

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Website của Chính phủ; Công báo;
- Các Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ KH&ĐT;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục QLĐT (THg).

BỘ TRƯỞNG

(đã ký)

Võ Hồng Phúc